

Bản án số: 27/2023/HS-ST
Ngày: 22-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Đoàn Oai S, sinh ngày 09/01/2002, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: **ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Đoàn Phú Q** và bà **Nguyễn Thị Mỹ H**; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh ngày 22/3/2005. Địa chỉ: **ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**. Vắng mặt.

+ **Nguyễn Phát Đ**, sinh ngày 23/02/2006 do cha ruột là ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1972 làm giám hộ. Cùng địa chỉ: **ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Đoàn Quốc H1**, sinh ngày 24/6/2008 do mẹ ruột là chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh ngày 01/01/1982 làm giám hộ. Cùng địa chỉ: **ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**. Có mặt.

- Người làm chứng: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, bà **Nguyễn Thị P1**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 24/3/2023 Nguyễn Phát Đ và Nguyễn Thị Ngọc T đang ngồi nói chuyện tại thềm bờ kè thuộc ấp C, xã T 2 còn xe mô tô SH mode biển số 66G1-185.82 của Đ đậu trên vỉa hè cùng 02 cái cặp của T và Đ. Khi bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 66G1-709.72 của mẹ ruột là chị Nguyễn Thị H chở H1 từ hướng bến phà T về xã T về nhà thì phát hiện xe mô tô SH mode biển số 66G1-185.82, màu trắng đậu trên vỉa hè không ai trông coi, nằm dưới đất cạnh xe có cái cặp màu trắng nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm, bị cáo dừng xe lại nói với H1 là ở lại coi xe chờ bị cáo đi vệ sinh, sau đó bị cáo đi sang bên đường đến chỗ xe của Đ đang đậu thì thấy bên dưới cái cặp màu trắng còn có cái cặp màu đen nên bị cáo lấy cả hai và quay lại chỗ H1 đứng chờ, sau đó bị cáo quay xe lại chở H1 về hướng bến phà T, khi đến bến phà T đoạn đường vắng người thì bị cáo dừng xe lại, lấy hai cái cặp ra kiểm tra, thấy bên trong cặp màu trắng có 01 điện thoại di động Samsung màu đen, cái cặp màu đen bên trong có 01 máy tính Casino FX màu trắng, 01 cục sạc dự phòng dung lượng 10.000 mAh màu bạc, rồi bị cáo để điện thoại vào túi quần bên phải, cục sạc và máy tính bỏ vào cốp xe, còn hai cái cặp bị cáo bỏ lại tại bụi cây gần đó, rồi điều khiển xe chạy về nhà bà Nguyễn Thị P1 để ngủ, tại đây H1 mở được mật khẩu điện thoại vừa lấy trộm được nên sử dụng và gim sạc rồi đi ngủ.

Khi Đ và T lên xe chạy về nhà được một đoạn đường thì phát hiện mất 02 cái cặp nên quay lại tìm nhưng không thấy nên T dùng laptop để định vị trí của điện thoại bị mất thì phát hiện vị trí điện thoại tại ấp A, xã T nên T đến Công an xã T 2 trình báo và đến nhà bà Nguyễn Thị P1 để kiểm tra hành chính thì phát hiện điện thoại Samsung A52 ở dưới nệm, cục sạc dự phòng ở trên nệm nơi Đoàn Oài S và Đoàn Quốc H1 nằm ngủ, còn máy tính FX580 thì để trong cốp xe biển số 66G1-709.72 nên tiến hành lập biên bản và mời Đoàn Oài S và Đoàn Quốc H1 về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ:

- 01 cái cặp vải màu trắng; 01 cái cặp vải màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A52 màu đen; 01 máy tính Casino FX580 màu trắng; 01 cục sạc dự phòng nhãn hiệu Samsung dung lượng 10.000mAh; 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel, đã qua sử dụng;

- 01 xe mô tô biển số 66G1-709.72 nhãn hiệu SYMAX, màu sơn đỏ - đen, số máy 7A026048, số khung 9A026048, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KLHĐĐGTS-TSHS ngày 14/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện H kết luận: 01 cái cặp màu đen đã qua sử dụng trị giá 20.000đ; 01 cái cặp màu trắng đã qua sử dụng trị giá 20.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A52 màu đen đã qua sử dụng trị giá 2.500.000đ; 01 máy tính Casino FX580 màu trắng đã qua sử dụng trị giá 100.000đ; 01 cục sạc dự phòng nhãn hiệu Samsung dung lượng 10.000mAh đã qua sử dụng trị giá 50.000đ; 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel, trị giá 30.000đ, tổng cộng 2.720.000đ.

Ngày 19/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu (vật chứng) trao trả 01 cái cặp vải màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A52, màu đen, 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel đã qua sử dụng cho Nguyễn Thị Ngọc T; Trả 01 cái cặp vải màu đen, 01 cái máy tính hiệu Casino FX580 màu trắng dung lượng 10.000 mAh đã qua sử dụng cho Nguyễn Phát Đ, bị hại T và Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự. Đối với 01 xe mô tô biển số 66G1-709.72 nhãn hiệu SYMAX, màu sơn đỏ - đen, số máy 7A026048, số khung 9A026048, đã qua sử dụng là tài sản của chị Nguyễn Thị Mỹ H, chị H không biết S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên đã trả cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị H.

Trong quá trình điều tra bị cáo Đoàn Oài S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án như biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung của Đoàn Oài S, biên bản ghi lời khai Đoàn Quốc H1, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Phát Đ và biên bản họp Hội đồng định giá tài sản.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKSHN ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Đoàn Oài S1 về tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (viết tắt BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Đoàn Oài S và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đoàn Oài S phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo **S** từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không có.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không đề cập đến.

Đối với **Đoàn Quốc H1** khi cùng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tính đến ngày phạm tội ngày 24/3/2023 **H1** mới 14 tuổi 09 tháng là chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm trong vụ án này.

Khi bị cáo lấy trộm tài sản của bị hại đem về nhà bà **Nguyễn Thị P1** cất giấu, nhưng bà **P1** không biết nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà **P1**.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất với cáo trạng truy tố và bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát và xin Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo được hưởng án treo, vì cha mẹ đi làm, hai em còn đi học, không ai trông coi nhà và ngủ với bà ngoại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và tội danh: Ngày 24/3/2023 bị cáo **Đoàn Oài S** có hành vi lên lúc trộm cắp 01 cái cặp vải màu trắng, 01 cái cặp vải màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A52 màu đen, 01 máy tính Casino fx580 màu trắng, 01 cục sạc dự phòng nhãn hiệu Samsung dung lượng 10.000mAh, 01 sim điện thoại nhà mạng **V**, tổng giá trị tài sản 2.720.000đ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra đánh giá tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định bị cáo **Đoàn Oài S** đã có hành

vi trộm cắp tài sản. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS là đúng pháp luật, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương và gây bất bình trong nhân dân. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo biết đó là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền tiêu xài, không phải lao động nên chiếm đoạt tài sản của người khác, việc phạm tội của bị cáo là cố ý, xem thường pháp luật. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm với hành vi của mình gây ra.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là thành phần nhân dân lao động.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS; Tài sản chiếm đoạt không lớn và đã được thu hồi trả lại cho bị hại, là thành phần nhân dân lao động, bị cáo nhất thời phạm tội do thấy tài sản của bị hại không có người trông coi, bị hại T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có ông cồ và bà ngoại là người có công với Cách mạng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đồng thời, bị cáo có nhân thân tốt chưa từng có tiền án, tiền sự. Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho nên áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho

chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để giúp cho bị cáo trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm thuê, không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Không có

[10] Về vật chứng: Đã xử lý xong nên không đề cập đến.

[11] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo **Đoàn Oài S** phải chịu 200.000 đồng theo quy định khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Đối với **Đoàn Quốc H1** khi cùng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tính đến ngày phạm tội ngày 24/3/2023 **H1** mới 14 tuổi 09 tháng là chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm trong vụ án này là phù hợp.

[13] Khi bị cáo lấy trộm tài sản của bị hại đem về nhà bà **Nguyễn Thị P1** cất giấu, nhưng bà **P1** không biết nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà **P1** là phù hợp.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Hồng Ngự về tội danh, các vấn đề khác là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Về khung hình phạt có phần nghiêm khắc đối với bị cáo như Hội đồng xét xử đã nhận định nên không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo **Đoàn Oài S** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Đoàn Oài S** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 22/5/2023).

Giao bị cáo **Đoàn Oài S** cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo **Đoàn Oài S** chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 22 tháng 5 năm 2023). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Hồng Ngự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung